

Bản án số: 116/2017/DSPT

Ngày: 24/7/2017

“*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Thành Tân

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Lộc.

Bà Phạm Thị Hồng Hà.

Thư ký phiên tòa: bà Tô Thị Út- Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2016/TLPT-DS, ngày 19 tháng 4 năm 2016 về “*Tranh chấp Quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 01/2016/DSST, ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 182/2017/QĐ-PT, ngày 7 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1964

Địa chỉ: số H105, đường Đinh Tiên Hoàng, khóm 5, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Khương N – Luật sư của Văn phòng luật sư Khang Ninh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1949

Địa chỉ: ấp Ngã Ngay, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông C là: ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1969. Địa chỉ: 16A, đường Nguyễn Thái Học, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Theo giấy ủy quyền ngày 24/6/2016.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: bà Lê Thị Hồng N - Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Thị Hồng N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3. 1 Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1957

3. 2 Nguyễn Hải Đ, sinh năm: 1982

3. 3 Nguyễn Hồng K, sinh năm: 1985

3. 4 Nguyễn Kim C, sinh năm: 1980

3. 5 Nguyễn Hoài T, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: ấp Ngã Ngay, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của Hoài Th, Kim C là ông Nguyễn Văn C. Theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2010.

3. 6 Trần Thị N, sinh năm: 1974

Địa chỉ: số H105, đường Đinh Tiên Hoàng, khóm 5, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. 7 Nguyễn Thị M, sinh năm: 1962

Địa chỉ: ấp Tân Hiệp, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. 8 Nguyễn Thị L, sinh năm: 1974

Địa chỉ: số nhà 11, tổ 1, ấp Tân Hòa, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. 9 Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1965.

3. 10 Nguyễn Văn L, sinh năm: 1961.

3. 11 Nguyễn Văn M, sinh năm: 1966.

3. 12 Nguyễn Thị N, sinh năm: 1963.

Cùng địa chỉ: ấp Ngã Ngay, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

3. 13 Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh V.

- Người kháng cáo: nguyên đơn Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Văn D trình bày: thửa đất số 49, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.720m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Ngã Ngay, xã Tân Long do ông D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 07/11/1991. Khoảng năm 1994 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D bị cháy, đến năm 2010 ông D làm thủ tục đăng ký lại thì phát hiện vị trí đất không đúng. Ông C đứng tên kê khai thửa 50, nhưng ông C canh tác thửa 49 từ năm còn tập đoàn (khoảng 1980) do ông D đứng tên cho đến nay. Ông D canh tác thửa 48 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất từ năm 1991 đến năm 2014 ông D đã trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ canh tác. Hiện nay ông D không còn canh tác thửa đất nào. Thửa 50 do ông Nguyễn Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng do Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N canh tác từ năm 1991 đến vụ hè thu năm 2011 thì bà N giao lại cho bà M canh tác.

Phần đất cụ Nguyễn Văn L (chết năm 1966) và cụ Lâm Thị Kh (chết 10/02/2011 al) tặng cho cá nhân các anh, em tính từ quốc lộ 53 trở vào như sau:

- Nguyễn Văn L đứng tên quyền sử dụng đất thửa 51.
- Nguyễn Văn C đứng tên quyền sử dụng đất thửa 50.
- Nguyễn Văn D đứng tên quyền sử dụng đất thửa 49.
- Nguyễn Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất thửa 48.
- Nguyễn Văn M đứng tên quyền sử dụng đất thửa 45, 46, 47.

Theo hiện trạng thực tế canh tác không đúng theo chương trình đất năm 1991.

Nay ông D yêu cầu ông C và các thành viên hộ liên đới trả thửa số 49, diện tích là 4.720m², loại đất trồng lúa, do ông D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 07/11/1991 hiện tọa lạc tại ấp Ngã Ngay, xã Tân Long, không yêu cầu trả diện tích theo trích đo bản đồ hiện trạng do Phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp ngày 25/3/2011. Phần diện tích lấn kinh là 102,2m² không yêu cầu vì lấn kinh công cộng. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác. Ông D thống nhất giá đất là 65.000đ/m² đối với tất cả các thửa đất.

Bị đơn Nguyễn Văn C trình bày: ông C canh tác phần đất theo khảo sát của Tòa án là thửa 49 từ khi có tập đoàn (khoảng trước năm 1980) cho đến nay, trước đây ông C không biết vì nghĩ là thửa 50 mà ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến khi ông D tranh chấp thì mới biết ông D đứng tên phần đất này và biết cấp sai về số thửa, đúng ra là cấp cho ông C thửa 49 mà lại cấp thửa 50. Về diện tích và vị trí là đúng như cha mẹ cho không hoán đổi với ai, khi cấp và canh tác không biết thửa số mấy. Nguồn gốc thửa 49 mà ông D canh tác là cha ông tên Nguyễn Văn L (chết năm 1966), mẹ là bà Lâm Thị K (chết 10/02/2011a) tặng cho chung hộ gia đình từ khoản năm còn tập đoàn (khoảng trước năm 1980). Hiện trạng canh tác đất của cha mẹ cho tính từ Quốc lộ 53 trở vào:

1. Nguyễn Văn L thửa 51.
2. Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị L thửa 50.
3. Nguyễn Văn C thửa 49.
4. Nguyễn Văn D thửa 48.
5. Nguyễn Văn M thửa 46, 47.
6. Nguyễn Văn Đ thửa 45.

Ông C không xác định diện tích mỗi người canh tác là bao nhiêu, từ khi cha, mẹ cho canh tác ổn định không hoán đổi cho nhau. Nay ông C không đồng ý trả thửa đất 49 cho ông D, yêu cầu được xem xét đứng tên đăng ký theo luật định và đúng vị trí hiện trạng đang canh tác. Phần đất khảo sát của Tòa án lấn kinh là 102,2m² không yêu cầu. Ông thống nhất giá đất là 65.000đ/m² cho tất cả các thửa đất. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đang quản lý.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông D thì ông C yêu cầu xem xét quyền lợi theo quy định pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2016/DSST ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít đã xử:

Áp dụng Điều 199, 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2011; các Điều 174, 182, 183, 247, 261, 265, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 24, 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12, ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn D: về việc ông Nguyễn Văn D yêu cầu ông Nguyễn Văn C và các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn C là Phạm Thị L, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Kim Cg, Nguyễn Hoài T liên đới trả thừa đất số 49, diện tích là 4.720m², loại đất trồng lúa, do ông Nguyễn Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp ngày 07/11/1991, hiện tọa lạc tại ấp Ngã Ngay, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Văn C, Phạm Thị L, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Kim C, Nguyễn Hoài T có trách nhiệm liên đới với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 49 theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất (trừ phần diện tích lấn kinh không được đăng ký) do phòng tài nguyên và môi trường huyện Mang Thít lập ngày 25/3/2011 theo quy định.

2. Về chi phí khảo sát đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá là 3.000.000đ, ông Nguyễn Văn D phải chịu.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn D phải nộp án phí giá ngạch của phần giá trị tài sản bị bác là 15.340.000đ, được khấu trừ 7.670.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 18/01/2016 nguyên đơn ông Nguyễn Văn D kháng cáo với nội dung: buộc bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trả lại cho ông thửa đất số 49, tờ bản đồ số 7, diện tích 4.720m², tọa lạc tại ấp Ngã Ngay, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C cùng các thành viên trong hộ hoàn trả cho ông phần đất thửa 49 diện tích 4.720 m² hay thửa 50 với cùng diện tích thửa 49 cũng được; ông thống nhất giá trị đất 80.000 đồng/1m².

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có kháng cáo trình bày: yêu cầu của ông Nguyễn Văn D là có căn cứ, bởi vì: ông D, ông Nguyễn Văn C và các anh, chị, em của ông D đều được mẹ cho mỗi người một phần đất; thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều đúng trình tự thủ tục. Ông D có ý kiến đồng ý nhận thửa 50 theo đo đạc của cấp phúc thẩm diện tích ít hơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc phần chênh lệch có thể buộc bị đơn trả bằng giá trị.

Đại diện cho bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: việc ông D yêu cầu ông C trả lại phần đất thửa 49 là không có căn cứ vì: ông C canh tác phần đất này từ năm 1978 cho đến nay, ông C yêu cầu tiếp tục sử dụng phần đất thửa 49 và đồng ý giao thửa 50 có diện tích như cấp phúc thẩm đã đo đạc.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn có sai sót về số thửa. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị giữ y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn kháng cáo còn trong hạn luật định, nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D là có căn cứ, bởi vì: ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 49, diện tích 4.720m², còn ông C được cấp giấy chứng nhận tại thửa 50; ông C yêu cầu nhận thửa 49, ông D cũng đồng ý giao thửa 49 cho ông C, thì cần công nhận thửa 50 có diện tích 4.750 m² cho ông D, buộc ông D hoàn trả giá trị phần diện tích chênh lệch cho ông C với giá 80.000 đồng/m², với diện tích đất chênh lệch 30 m² thành tiền 2.400.000 đồng. Bị đơn không hợp tác trong việc đo đạc xác định vị trí đất, do vậy không có mốc giới để buộc ông C giao trả nên cần công nhận cho ông C phần đất thửa 49 có diện tích theo giấy chứng nhận đã được cấp theo chương trình đất là 4.720 m². Công nhận cho ông D được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 50 có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đã được cấp theo chương trình đất là 4.750 m². Do đó, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn để sửa án sơ thẩm.

Sau khi nghiên hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn D trình bày yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C cùng các thành viên trong hộ hoàn trả cho ông phần đất thửa 49 diện tích 4.720 m² hay thửa 50 với cùng diện tích thửa 49 cũng được; ông thống nhất giá trị đất 80.000 đồng/m². Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: ông Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn C là anh em ruột, đều được mẹ là bà Phạm Thị K chia cho mỗi người một phần đất; vào ngày 07/11/1991 ông Nguyễn Văn D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 49 với diện tích 4.720 m², nhưng đến khoảng năm 1994 nhà bị cháy trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 49 cũng bị cháy. Còn ông Nguyễn Văn C thì được cấp giấy chứng nhận thửa 50 diện tích 4750 m². Ông C trình bày mặc dù ông được cấp giấy chứng nhận thửa 50, nhưng ông canh tác thửa 49 từ năm 1978 cho đến nay; vấn đề này ông D cũng thừa nhận ông không có sử dụng thửa 49 mà ông sử dụng thửa 48 của ông Nguyễn Văn Đ từ năm 1991 đến năm 2014 thì trả lại cho ông Đ. Điều đó, cho thấy từ lúc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay ông D không có canh tác phần đất thửa 49. Do đó, việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông D là có căn cứ.

[2] Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm ông D trình bày ông đồng ý nhận phần đất thửa 49 hay thửa 50 với diện tích 4.720m² cũng được. Ông C, các thành viên trong hộ của ông C, cũng như bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị L đều

đồng ý giao lại thửa 50 cho ông D. Xét sự tự nguyện này của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, nên cấp phúc thẩm ghi nhận.

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 21/11/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thì thửa 49 hiện ông C đang sử dụng với diện tích 6057,4m², còn thửa 50 diện tích chỉ có 3877,4m²; như vậy, so với việc cấp giấy thấy rằng ông D nếu nhận thửa 50 thì diện tích giảm 872,6m², trong khi ông C lại tăng rất nhiều, nên phải buộc ông C hoàn trả giá trị phần đất mà ông D nhận ít hơn. Tuy nhiên, ông D chỉ yêu cầu nhận thửa 50 với diện tích tương đương thửa 49 là 4.720m². Ông D và ông C cũng như các thành viên trong hộ C cũng thống nhất giá đất là 80.000 đồng/m², cụ thể phía ông C phải hoàn trả là $(872,6\text{m}^2 - 30\text{m}^2) \times 80.000$ đồng thành tiền 67.408.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá:

+ Cấp sơ thẩm số tiền 3.000.000 đồng.

+ Cấp phúc thẩm số tiền 7.215.000 đồng.

Tổng cộng là 10.215.000 đồng.

Do khởi kiện được chấp nhận một phần nên ông D và ông C cùng các thành viên trong hộ cùng phải chịu chi phí này, nên mỗi bên phải chịu 50%, vì ông D đã nộp tạm ứng nên buộc phía ông C phải nộp lại để trả lại cho ông D.

- Về án phí:

+ Do phía bị đơn có nghĩa vụ phải hoàn trả cho ông D số tiền 67.408.000 đồng, nên phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% thành tiền 3.370.400 đồng.

+ Do kháng cáo được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, vì vậy hoàn trả cho ông số tiền 200.000 đồng, theo biên lai số 0004923 ngày 27 tháng 01 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Đồng thời hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 7.670.000 đồng theo biên lai thu số 001788 ngày 27/10/2010 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D. Tuyên sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2016/DSST ngày 15/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Áp dụng khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 174, 182, 183, 247, 261, 265, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27, Điều 30 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12, ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận cho ông Nguyễn Văn C và các thành viên trong hộ gia đình gồm: Phạm Thị L, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Kim C, Nguyễn Hoài T được quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 7 có diện tích 6057,4 m², gồm các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 2 do ông Nguyễn Văn D đứng tên trong sổ bộ địa chính.

Buộc ông Nguyễn Văn C và các thành viên trong hộ gia đình gồm: Phạm Thị L, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Kim C, Nguyễn Hoài T liên đới để hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 67.408.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm lẻ tám ngàn đồng).

2. Công nhận cho ông Nguyễn Văn D được quyền sử dụng thửa đất số 50, tờ bản đồ số 7 (thửa 9 cũ, tờ bản đồ số 9) có diện tích 3877,4 m², gồm các mốc 1, 2, 6, 7, 8, 1 do ông Nguyễn Văn C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các phần đất tọa lạc tại ấp Ngã Ngay, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn C cùng với Phạm Thị L, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Kim C, Nguyễn Hoài T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với các phần đất trên theo quy định.

Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 21/11/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

* Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí khảo sát đo đạc:

+ Ông Nguyễn Văn D phải chịu số tiền 5.107.000 đồng, ông đã nộp xong.

+ Buộc ông Nguyễn Văn C và các thành viên trong hộ gia đình gồm: Phạm Thị L, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Kim C, Nguyễn Hoài T liên đới phải nộp số tiền 5.108.000 đồng (Năm triệu, một trăm lẻ tám ngàn đồng), để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn D.

Về án phí:

+ Buộc ông Nguyễn Văn C và các thành viên trong hộ gia đình gồm: Phạm Thị L, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Hồng K, Nguyễn Kim C, Nguyễn Hoài T liên đới nộp 3.490.400 đồng (Ba triệu, bốn trăm chín chục ngàn bốn trăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 7.670.000 đồng (bảy triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 001788 ngày 27/10/2010 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, và 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm, theo biên lai số 0004923 ngày 27 tháng 01 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- TATC: 01;
- VKSVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND HMT: 01;
- Chi cục THADS HMT: 02;
- Đ/s: 13;
- Lưu: 04.

Lê Thành Tân